

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 17 - 18

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số: 529/QĐ-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang)*

Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên.

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ô tô, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ trung cấp Công nghệ ô tô; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp;

- Có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong chương trình đào tạo người học có năng lực:

a) Kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu cơ bản trong ô tô;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước công việc trong quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;
- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b) Kỹ năng:

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và

kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề công nghệ ô tô;

- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Lập được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết, bộ phận, hệ thống và loại ô tô;
- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật;
- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;
- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;
- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.
- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Kỹ năng cập nhật các kiến thức, thông tin liên quan đến chuẩn đoán và phân tích động cơ xăng, diesel; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa, thông gió; hộp số tự động, hệ thống điện – điện tử ô tô.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;
- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;
- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa không khí ô tô;
- **Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.**

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Số lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 75 tín chỉ (1815 giờ)
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1560 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 455 giờ; Thực hành, thực tập: 1296 giờ; Kiểm tra: 64 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1406	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	63	1.560	361	1.148	51

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	10	180	91	80	9
CS39201	Điện – Điện tử cơ bản	2	30	20	8	2
CS39102	Cơ ứng dụng	1	15	12	2	1
CS39103	Vật liệu học	1	15	12	2	1
CS39104	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	15	12	2	1
CS39205	Vẽ kỹ thuật	2	30	20	8	2
CS39306	Thực hành Nguội - Hàn cơ bản	3	75	15	58	2
<i>II.2</i>	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	47	1.230	240	952	38
CN39201	Kỹ thuật chung về ô tô	2	45	15	28	2
CN39402	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định	4	105	15	86	4
CN39303	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	75	15	56	4
CN39204	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	45	15	28	2
CN39205	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	28	2
CN39406	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	105	15	86	4
CN39507	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	120	30	86	4
CN39508	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	5	120	30	86	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CN39209	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
CN39310	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	3	75	15	58	2
CN39311	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	3	75	15	58	2
CN39313	Kiểm tra và sửa chữa pan động cơ ô tô	3	75	15	58	2
CN39515	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	5	120	30	86	4
TN39401	Thực tập tại cơ sở sản xuất	4	180		180	
<i>II.3</i>	<i>Môn học, mô đun tự chọn (Chọn tối thiểu 6 tín chỉ)</i>	6	150	30	116	4
TC39301	Kỹ thuật lái ô tô	3	75	15	58	2
TC39302	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí	3	75	15	58	2
TC39303	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái trợ lực điện	3	75	15	58	2
TC39304	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	3	75	15	58	2
	Tổng cộng	75	1.815	455	1.296	64

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
ÁP DỤNG CHO KHÓA: 19**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 575/QĐ-CĐCD ngày 09 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng trường CĐCD Hậu Giang)

Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 5510216

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1307	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	63	1.560	361	1.148	51
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	10	180	91	80	9
CS39201	Điện – Điện tử cơ bản	2	30	20	8	2
CS39102	Cơ ứng dụng	1	15	12	2	1
CS39103	Vật liệu học	1	15	12	2	1
CS39104	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	15	12	2	1
CS39205	Vẽ kỹ thuật	2	30	20	8	2
CS39306	Thực hành Nguội - Hàn cơ bản	3	75	15	58	2
<i>II.2</i>	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	47	1.230	240	952	38
CN39201	Kỹ thuật chung về ô tô	2	45	15	28	2
CN39402	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định	4	105	15	86	4
CN39303	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	75	15	58	2
CN39204	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	45	15	28	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CN39205	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	28	2
CN39406	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	105	15	86	4
CN39507	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	120	30	86	4
CN39508	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	5	120	30	86	4
CN39209	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
CN39310	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	3	75	15	58	2
CN39311	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	3	75	15	58	2
CN39313	Kiểm tra và sửa chữa pan động cơ ô tô	3	75	15	58	2
CN39515	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	5	120	30	86	4
TN39401	Thực tập tại cơ sở sản xuất	4	180		180	
<i>II.3</i>	<i>Môn học, mô đun tự chọn (Chọn tối thiểu 6 tín chỉ)</i>	6	150	30	116	4
TC39301	Kỹ thuật lái ô tô	3	75	15	58	2
TC39302	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí	3	75	15	58	2
TC39303	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái trợ lực điện	3	75	15	58	2
TC39304	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	3	75	15	58	2
	Tổng cộng	74	1.815	455	1.296	64